

Số: **109/2021/QĐST-HNGĐ**

*Bình Chánh, ngày 28 tháng 01 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1166/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông **Phạm Sĩ N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: A4/17K ấp 1B, xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà **Hồ Thị Hạnh D**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: A4/17K ấp 1B, xã Vĩnh L1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Sĩ N và bà Hồ Thị Hạnh D.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Sĩ N và bà Hồ Thị Hạnh D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn Số 102, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/5/2002 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Phạm Sĩ N và bà Hồ Thị Hạnh D chung sống có 01 con chung tên là Phạm Huy H (nam), sinh ngày 05/5/2002 (đã trưởng thành) nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Ông Phạm Sĩ N và bà Hồ Thị Hạnh D đều yêu cầu tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Phạm Sĩ N và bà Hồ Thị Hạnh D đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Sĩ N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080365 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Phạm Sĩ N số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).



**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thanh Huyền**